

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN NAM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST

Ngày 20 - 3 - 2025.

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
có cầm cố tài sản” và “Tranh chấp
hợp đồng mượn tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Hải Thanh.

2. Bà Bùi Thị Thanh Yên.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Phan Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam - tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Nam tham gia phiên tòa: Bà Tài Thị Cao Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần S1 Có Ngay;

Địa chỉ trụ sở chính: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông KANORWATPAISAL NAPAT - Sinh năm 1972 - Chức danh: Giám đốc (*vắng mặt*).

Địa chỉ liên lạc: Số I đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S - Sinh năm 1996; Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần S1 Có Ngay (Theo Giấy ủy quyền số 94/2023/UQ-SVN ngày 15/10/2023) (*có mặt*).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận;

Địa chỉ nơi làm việc: Số B L, phường P, thành phố P - T, tỉnh Ninh Thuận.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim H - sinh năm 1963; địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Ninh Thuận (*yêu cầu vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn S trình bày:

Công ty cổ phần S1 Có Ngay (*Viết tắt Công ty S1*) không được Ngân hàng N cấp phép hoạt động nên không hoạt động kinh doanh theo Luật các tổ chức tín dụng và các Văn bản hướng dẫn của Ngân hàng N đối với các tổ chức tín dụng phi Ngân hàng. Công ty S1 chỉ được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư tỉnh N cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27/03/2024.

Công ty S1 được cập nhật vào hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp gồm ngành nghề kinh doanh, mã ngành và kinh doanh đúng các ngành nghề đã đăng ký; trong đó có ngành chính là “Dịch vụ cầm đồ” theo mã ngành 6492.

Ngày 29/3/2021, bà Nguyễn Thị Kim H và Công ty S1 thông qua Công ty TNHH S2 - Chi nhánh N1 ký kết Hợp đồng cầm cố số PRM210301018NA16X, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của cục Đ: Giaodichdambao/botuphap; theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn> với tài sản cầm cố là chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius F1; số khung: 1710GY131578; số máy: E3T6E194470; biển số: 85E1-116.32; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016, số tiền 7.920.000đ, thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 29/3/2021). Lãi suất cầm cố cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền.

Ngày 29/3/2021, Công ty S1 và bà H tiếp tục ký kết hợp đồng mượn chiếc xe trên với mức phí mỗi tháng 166.320đ. Công ty tính toán các khoản vay và phí mượn xe, định kỳ hàng tháng bà H cam kết thanh toán số tiền 896.956đ, thời hạn 12 tháng.

Ngày 17/4/2021, bà H đã thanh toán được 1 kỳ, gồm: Tiền gốc 603,916đ (đã làm tròn), tiền lãi 87.120đ, phí quản lý hồ sơ 39.600đ và phí thuê xe 166.320đ. Bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 18/5/2021 đến nay.

Công ty khởi kiện yêu cầu bà H phải thanh toán các khoản nợ gốc, lãi, phí

tổng cộng 23.848.573đ. Tuy nhiên, do bà H đang gặp khó khăn nên Công ty chỉ yêu cầu bà H có nghĩa vụ thanh toán các khoản: Tiền gốc vay 7.316.000đ, lãi trong hạn 253.325đ, lãi quá hạn 4.481.951đ; tổng cộng: 11.552.930.

Đối với chiếc xe cầm cố, Công ty S1 không **yêu cầu bà H giao trả. Tuy nhiên**, khi nào bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty sẽ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016 cho bà H.

Tại biên bản làm việc ngày 18/02/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày: Bà xác nhận có vay của Công ty S1 có ngay số tiền gốc 7.920.000đ và cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius F1; số khung: 1710GY131578; số máy: E3T6E194470; biển số: 85E1-116.32; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016 là tài sản của bà. Sau khi vay và cầm cố xe, bà và Công ty K hợp đồng mượn lại xe để làm phương tiện đi lại. Do bà bị bệnh và gặp khó khăn về tài chính nên bà đồng ý trả số tiền gốc, bà xin phân lãi. Bà yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn có yêu cầu vắng mặt nên căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (*Viết tắt là BLTTDS*) tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Công ty Cổ phần S1 Có Ngay yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả số tiền gốc vay và các khoản lãi trong hạn, quá hạn tổng cộng 11.552.930; cụ thể: Tiền gốc vay 7.316.000đ, lãi trong hạn 253.325đ, lãi quá hạn 4.481.951đ; tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện Công ty T tính lại lãi suất quá hạn theo quy định là 2.656.505đ và không yêu cầu phí mượn xe là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc đương sự vắng vắng: Tại biên bản làm việc ngày 18/02/2025, bà Nguyễn Thị Kim H yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228

BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kim H.

[2]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết: Công ty S1 Có Ngay (viết tắt: Công ty S1) và bà Nguyễn Thị Kim H có lập hợp đồng cầm cố xe máy để vay tiền và trả lãi hàng tháng. Về bản chất “Hợp đồng cầm cố” giữa Công ty S1 và bà H là để che đậy mục đích “*Vay tiền*”. Ngoài ra, các bên còn lập hợp đồng mượn xe đã cầm cố dùng làm phương tiện đi lại; do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay có cầm cố tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng mượn tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của BLTTDS. Bị đơn có địa chỉ tại xã N, huyện T nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện: Công ty S1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H phải trả lại xe máy đã mượn theo “Giấy mượn xe” mà hai bên đã ký kết; nếu bà H không thể trả lại xe máy thì phải trả số tiền gốc, lãi, các loại phí theo Hợp đồng cầm cố tài sản. Tại phiên tòa, đại diện của nguyên đơn yêu cầu bà H trả số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn; không yêu cầu trả chiếc xe máy đã mượn và không yêu cầu các khoản phí phát sinh khác và phí mượn xe. Hội đồng xét xử xác định việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên căn cứ vào Điều 244 của BLTTDS, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4]. Về giao dịch: Công ty S1 và bà Nguyễn Thị Kim H xác nhận có ký kết Hợp đồng cầm cố số PRM210301018NA16X để cầm cố chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius F1; số khung: 1710GY131578; số máy: E3T6E194470; biển số: 85E1-116.32; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016 để vay số tiền 7.920.000đ, thời hạn 12 tháng (kể từ ngày 29/3/2021). Lãi suất cầm cố cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền. Ngoài ra, các bên còn ký kết hợp đồng mượn xe máy mang nhãn hiệu Yamaha Sirius F1 biển số: 85E1-116.32 đã cầm cố cho Công ty S1, mức phí mượn xe hàng tháng 166.320đ. Công ty đã giao xe cho bà H sử dụng đến nay. Các bên thỏa thuận hàng tháng bà H có nghĩa vụ thanh toán số tiền 896.956đ bao gồm gốc vay, lãi, phí quản lý hồ sơ, phí mượn xe. Ngày 17/4/2021, bà H đã thanh toán 1 kỳ: Tiền gốc 603,916đ (đã làm tròn), tiền lãi 87.120đ, phí quản lý hồ sơ 39.600đ và phí thuê xe 166.320đ. Từ ngày 18/5/2021 đến nay bà H không thanh toán thêm bất cứ khoản nào khác. Bà H không yêu cầu gì về số tiền đã trả nên Công ty tính dư nợ của bà H còn 7.316.000đ là có căn cứ chấp nhận.

Xét hợp đồng cầm cố và hợp đồng mượn xe giữa Công ty S1 và bà Nguyễn Thị Kim H được ký kết trên cơ sở tự nguyện, mục đích, nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật nên xác định là hợp đồng hợp pháp.

Về lãi trong hạn: Căn cứ tài liệu bên Công ty S1 cung cấp thể hiện thời hạn còn lại trong hợp đồng tính từ ngày 18/5/2021 đến ngày 18/5/2022 là 365 ngày; cách tính lãi trong hạn: $7.316.000đ \times 0.0367\%/tháng \times 365 \text{ ngày} = 980.014,đ$. Như vậy, Công ty tính khoản lãi trong hạn 253.325đ là thấp hơn, có lợi cho bị đơn nên chấp nhận.

Về lãi quá hạn: Thời hạn quá hạn hợp đồng tính từ ngày 19/5/2022 đến ngày 20/3/2025 là 669 ngày; cách tính lãi quá hạn: $7.316.000đ \times 0.0367\%/tháng \times 150\% \times 669 \text{ ngày} = 2.696.816,đ$. Như vậy, cách tính lãi quá hạn của Công ty S1 số tiền 4.481.951đ là gây thiệt hại cho bà H. Tại phiên tòa, đại diện của Công ty S1 đồng ý yêu cầu bà H trả lãi quá hạn tính theo quy định với số tiền 2.696.816,đ là phù hợp nên chấp nhận.

Về các loại phí, Công ty S1 không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Chiếc xe máy mang nhãn hiệu Yamaha Sirius F1 biển số: 85E1-116.32 bà H đã cầm cố cho Công ty S1; Công ty S1 ký kết với bà H hợp đồng mượn xe, phí hàng tháng 166.320đ. Công ty đã giao xe cho bà H quản lý, sử dụng đến nay. Tại phiên tòa, đại diện Công ty không yêu cầu bà H trả lại xe và không yêu cầu thanh toán phí mượn xe là tự nguyện nên không xem xét. Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016 cho bà H, hiện Công ty S1 đang giữ, khi nào bà H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ Công ty S1 có nghĩa vụ giao trả cho bà H.

Như vậy, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu của Công ty S1; buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải thanh toán cho Công ty SAWAD các khoản tiền: Gốc 7.316.000đ, lãi trong hạn 253.325đ và lãi quá hạn 2.696.816,đ; tổng cộng 10.266.141đ.

[6]. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 244; Điều 271, Điều 273 của

Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 309, 310, 311, 313, 316, 375, 463, 466, 468, 470, 494, 496, 497 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S1 Có Ngay.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim H có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần S1 Tiền Có Ngay các khoản: Tiền gốc 7.316.000đ, lãi trong hạn 253.325đ và lãi quá hạn 2.696.816,đ; tổng cộng 10.266.141đ.

Ngay sau khi bà Nguyễn Thị Kim H thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S1 Có Ngay có nghĩa vụ giao trả Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 004597 do Công an tỉnh N cấp ngày 29/3/2016 cho bà Nguyễn Thị Kim H.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong; bà Nguyễn Thị Kim H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc theo mức lãi suất Công ty Cổ phần S1 Có Ngay và bà Nguyễn Thị Kim H thỏa thuận trong các hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Kim H.

- Công ty Cổ phần S1 Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền 570.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004835 ngày 02/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Nam, tỉnh Ninh Thuận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20/3/2025). Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Thuận Nam;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thức